

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-PT

Ngày 17-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Lương Đức Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 22/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T; địa chỉ: Thôn 06, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H; địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Duy L; địa chỉ: Bon T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị P; địa chỉ: Thôn 06, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.
2. Anh Trần Văn K; địa chỉ: Thôn 02, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước – *Có mặt*.
3. Bà Trần Thị M; địa chỉ: Thôn 01, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.
4. Bà Trần Thị N; địa chỉ: Bon T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.
5. Bà Phạm Thị Mộng Th; địa chỉ: Thôn 06, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị T.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk

Song, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Năm 2015, bà có cho bà Trần Thị H (con gái bà) vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 650.000.000 đồng và 8,4 tạ cà phê nhân, khi vay không viết giấy tờ gì. Sau một năm tính toán công nợ thì bà H còn nợ bà 450.000.000 đồng, lúc này hai bên mới viết giấy vay mượn tiền và thỏa thuận lãi suất 10%/năm; 05 tháng trả lãi 01 lần để bà có tiền trả lãi ngân hàng; hạn trả gốc khi nào bà cần tiền thì sẽ báo trước cho bà H 01 tuần. Tuy nhiên, từ khi viết giấy đến nay bà H không trả tiền nợ gốc và lãi cho bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả số tiền 450.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của bà T nhưng số tiền vay là 550.000.000 đồng, không phải là 650.000.000 đồng như bà T trình bày; thời gian vay là cuối năm 2015. Trước khi bà vay tiền của bà T thì khoảng tháng 8-2015, bà có cho bà T vay 300.000.000 đồng, vì là mẹ con nên không viết giấy tờ gì. Sau khi vay tiền của bà T khoảng 01 năm, hai bên tính toán lại công nợ thì bà T tính cả tiền lãi nên xác định số tiền bà nợ bà T là hơn 700.000.000 đồng, trừ đi 300.000.000 đồng bà T nợ bà thì bà còn nợ lại bà T 450.000.000 đồng nên bà T viết giấy vay mượn tiền để bà ký. Từ sau khi ký giấy vay đến khoảng cuối năm 2017, đầu năm 2018 (hoặc cuối năm 2018, đầu năm 2019, không nhớ chính xác), bà đã trả hết toàn bộ số tiền nợ cho bà T, cụ thể theo giấy tổng hợp chi tiết việc cản trừ nợ gồm: Năm 2017, bà chuyển nhượng cho bà T 05 sào đất, hai bên thỏa thuận cản trừ nợ số tiền 250.000.000 đồng; bà T vay của bà 02 lần số tiền 48.965.000 đồng và 77.000.000 đồng; bà trả tiền mua phân giúp bà Tuyết 34.850.000 đồng; bà trả nợ cho bà M thay cho bà T số tiền 60.000.000 đồng; ngoài ra, bà còn nhận chuyển nhượng phần đất ranh giới giữa ông Đ và ông A với giá 30.000.000 đồng, trước đó bà T nhận chuyển nhượng của ông A thì lấy lại phần ranh giới mà bà nhận chuyển nhượng nên hai bên thỏa thuận cản trừ cho bà số tiền 30.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà đã trả cho bà T kể từ sau ngày 04-10-2016 đến khi hai bên viết các khoản theo giấy tổng hợp cản trừ nợ là 500.815.000 đồng. Do bà T tính thêm tiền lãi và bắt bà phải trả thêm 100.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý nên bà T không ký xác nhận trả nợ cho bà và mẹ con bắt đầu mâu thuẫn. Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Duy L trình bày: Ông không biết gì việc vay nợ giữa bà H với bà T, không liên quan gì đến khoản nợ, ông chỉ nghe bà H nói là đã trả hết nợ cho bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:

- *Chị Trần Thị P:* Chị không biết cụ thể số tiền vay nợ giữa bà T với bà H nhưng chị biết bà H có trả tiền cho bà T 02 lần, lần thứ nhất trả xong còn lại 450.000.000 đồng; lần thứ hai trả xong còn lại 100.000.000 đồng.

- *Chị Nguyễn Thị Mộng Th:* Chị không trực tiếp chứng kiến việc vay và trả giữa bà T với bà H nhưng chị có nghe bà H nói lại là đã trả hết nợ cho bà T.

- Bà Trần Thị M: Năm 2017, bà cho bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng để trả nợ tiền đất cho ông A, khoảng 01 tháng sau bà T trả cho bà số tiền 940.000.000 đồng, còn nợ lại 60.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 12, Điều 18 Nghị quyết số: 326/2016 UBTWQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12-10-2022, nguyên đơn bà Trần Thị T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 11-10-2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông kháng nghị yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên yêu cầu kháng nghị; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của bà Trần Thị T nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. *Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:*

[2.1]. Bà T cung cấp Giấy vay mượn tiền đề ngày 04-10-2016 thể hiện bà H vay của bà T số tiền 450.000.000 đồng. Bà H thừa nhận chữ ký trong giấy vay mượn tiền này là của bà nên đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên vay có nghĩa vụ phải trả đủ tiền khi đến hạn. Bà H cho rằng đã trả cho bà T tổng số tiền 500.815.000 đồng nhưng bà T không thừa nhận; bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình.

[2.3]. Đối với ý kiến của bà T cho rằng khoản vay đã được bà trả cho bà T qua các đợt cụ thể: Năm 2017, bà chuyển nhượng cho bà T 05 sào đất số tiền 250.000.000 đồng; bà T vay của bà 02 lần số tiền 48.965.000 đồng và 77.000.000 đồng; bà trả tiền mua phân giúp bà T 34.850.000 đồng; bà trả nợ bà M thay cho bà T số tiền 60.000.000 đồng; bà cần trừ phần ranh giới giữa ông Đ

với ông A cho bà T số tiền 30.000.000 đồng; tổng số tiền bà đã trả cho bà T kể từ sau ngày 04-10-2016 đến khi hai bên viết các khoản theo giấy tổng hợp cần trừ nợ là 500.815.000 đồng nhưng bà T không thừa nhận và quá trình giải quyết vụ án, bà H không có yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cần trừ các khoản tiền mà bà H cho rằng đã trả cho bà T vào khoản vay của bà H đối với bà T là không đúng.

[2.4]. Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà T chỉ yêu cầu bà H trả tiền nợ gốc 450.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét tiền lãi là phù hợp.

[2.5]. Từ những vấn đề nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Đối với các khoản tiền bà H cho rằng đã cần trừ nợ cho bà T thì bà H có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật nếu có căn cứ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng khoản 1 Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

- Buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị T số tiền là 450.000.000đ (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị H phải chịu 22.000.000đ (*hai mươi hai triệu đồng đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 5.500.000đ (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 17-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Y ngày 15-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng